

Bản án số: 17 /2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 10/4/2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Công
2. Ông Trần Trung Kiên

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Ươn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 481/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2022 về vụ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 270/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Minh N1, sinh năm 1990 (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị Lệ N2, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Minh N1 trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Lệ N2 quen biết tìm hiểu nhau quyết định tiến đến hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/5/2019. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong sinh hoạt hàng ngày, không tin tưởng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đến tháng 01/2022 vợ chồng ly thân đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N2.

Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/5/2019 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 17/8/2020 hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung và chưa đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả: Quá trình chung sống anh và chị N2 không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện Càng Long tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị Lệ N2 biết, ngày 21/11/2022 chị Nguyễn Thị Lệ N2 có văn bản trình bày ý kiến: Chị và anh Nguyễn Minh N1 tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, đến năm 2022 vợ chồng sống ly thân đến nay. Chị xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì hôn nhân được nữa nên chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh N1. Về con chung có 02 người là Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/5/2019 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 17/8/2020 hiện đang sống chung với anh N1. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh N1 tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ, quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Chị N2 vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, và cũng không có mặt tại phiên toà.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

*Về tố tụng:* Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không có mặt tại phiên toà mặc dù Tòa án thông báo họp lệ.

*Về nội dung:* Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh N1. Cho anh N1 được ly hôn với chị N2. Về con chung giao anh N1 được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; về tài sản do anh N1, chị N2 không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xét; về nợ anh N1, chị N2 khai không có nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Nguyễn Minh N1 khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Lệ N2 có nơi cư trú tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Minh N1 và chị Nguyễn Thị Lệ N2 đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 /3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 270/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2023 và Giấy triệu tập đương sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa, anh N1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị N2 vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Minh N1 và chị Nguyễn Thị Lệ N2 tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 10 tháng 5 năm 2019. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của anh N1, chị N2 là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân của anh N1, chị N2 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của anh N1, chị N2 không đạt được mục đích đó. Khi mâu thuẫn, anh N1, chị N2 không tìm giải pháp khắc phục mà đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay và đều có ý kiến thống nhất ly hôn với nhau. Do đó, căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N1, cho anh N1 được ly hôn chị N2.

[4]. *Về con chung*: Anh N1 và chị N2 có hai người con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/5/2019 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 17/8/2020 hiện đang sống chung với anh N1. Anh N1 yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn vì từ trước đến nay các con sống chung với anh. Chị N2 cũng đồng ý giao con cho anh N1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Xét việc anh N1, chị N2 thỏa thuận giao con chung cho anh N1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N1 chưa đặt ra yêu cầu chị N2 cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về tài sản*: Anh N1, chị N2 không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7]. *Về nợ chung*: Anh N1, chị N2 khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Anh N1 là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân

sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Minh N1.

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Minh N1 được ly hôn chị Nguyễn Thị Lệ N2.

*Về con chung:* Anh Nguyễn Minh N1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 20/5/2019 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 17/8/2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Minh N1 chưa đặt ra yêu cầu chị Nguyễn Thị Lệ N2 cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

*Về tài sản:* Anh Nguyễn Minh N1, chị Nguyễn Thị Lệ N2 không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

*Về nợ:* Anh Nguyễn Minh N1, chị Nguyễn Thị Lệ N2 khai không có, Tòa không xem xét.

*Về án phí:* Anh Nguyễn Minh N1 có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cản trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012982 ngày 18 tháng 10 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Anh N1 đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND xã Quới Thiện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Nguyễn Thị Trang  
Đã ký**